TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Huy Xuân

2. Bà Đỗ Thị Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thúy –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh ngày 07/4/1981

Số căn cước công dân: 075081009433 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/7/2021. Hiện đang chấp hành án.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh,(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Mai Thị Ngọc V, sinh ngày 08/10/1980

Số căn cước: 079180006539 do Bộ C cấp ngày 01/8/2024.

Hộ khẩu thường trú: Số A B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số A đường L, xã N, T phố H, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ông Trần Thanh H trình bày:

Ông và bà Mai Thị Ngọc V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 14-3-2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Cuối năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân của việc mâu thuẫn là xuất phát từ tài chính trong quá trình làm ăn cũng như sinh hoạt gia đình. Bà V đã lừa dối ông H để làm giả giấy tờ, sau đó bị bắt và xử phạt 09 tháng tù. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, cả hai vợ chồng làm đơn ly hôn nhiều lần nhưng vì cũng muốn duy trì hạnh phúc gia đình nên rút đơn, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau đó cuộc sống vợ chồng cũng không được cải thiện, mâu thuẫn tiếp tục diễn ra, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi. Nay nhận thấy không còn tình cảm với bà V nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V. Do phải chuẩn bị đi chấp hành án nên ông H yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải và ông xin vắng mặt xuyên suốt quá trình tố tụng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông H xác nhận giữa ông với bà V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lời khai của bị đơn bà Mai Thị Ngọc V trình bày:

Bà V xác nhận thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như ông H trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ vấn đề kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Bà xác nhận bà và ông H đã nhiều lần nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết nhưng sau đó lại rút đơn, Tòa án đình chỉ. Nay ông H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý. Bà V yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát có văn bản gửi Tòa án về việc không tham gia phiên tòa. Lý do, Tòa án không thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Trần Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Mai Thị Ngọc V, đây là vụ án "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trên theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Thanh H:

Ông H và bà V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã X (nay xã C), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, hôn nhân của ông H và bà V là hợp pháp.

Ông H và bà V chung sống với nhau xuất phát từ tình cảm, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chưa được bao lâu thì cả hai bộc lộ mâu thuẫn, cụ thể: Theo ông H và bà V thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Cả ông H và bà V đã nhiều lần làm đơn gửi đến Tòa án để yêu cầu giải quyết nhưng sau đó rút đơn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện, mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Đến nay, cả hai đều không thể kéo dài cuộc hôn nhân, vì vậy ông H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà V được ly hôn.

Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm và chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên giữa ông H và bà V đã không thực hiện được. Mặc dù, giữa ông H và bà V không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn được nhưng cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn diễn ra và đã có ý định ly hôn từ trước nên cả hai ông bà nhiều lần nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút về. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng xảy ra có thật và đến nay ông H và bà V không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Ông H và bà V đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà V đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Ông H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2.5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H về việc "Ly hôn" với bà Mai Thị Ngọc V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh H được ly hôn với bà Mai Thị Ngọc V.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Trần Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017204 ngày 12-9-2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông H đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND KV14-TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- UBND xã Châu Đức ;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nga